

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NME**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NME

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NME DEVELOPMENT AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: NME.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107928866

**3. Ngày thành lập:** 20/07/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 7B ngõ 690, đường Lạc Long Quân, Phường Nhật Tân, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                        | 4312     |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                          | 4322     |
| 3.  | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                          | 6209     |
| 4.  | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Tư vấn giám sát công trình xây dựng<br>Thiết kế kiến trúc công trình xây dựng                           | 7110     |
| 5.  | Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng                                                                                                                             | 9521     |
| 6.  | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất (không bao gồm thiết kế công trình)                                                             | 7410     |
| 7.  | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                   | 7710     |
| 8.  | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác<br>Chi tiết: 7730<br>Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính)<br>Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng | 7730     |
| 9.  | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                    | 4100     |
| 10. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                        | 4690     |
| 11. | Sửa chữa thiết bị liên lạc                                                                                                                                               | 9512     |
| 12. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;                                     | 8299     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |             |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 13. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4329        |
| 14. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: - Bán buôn đèn và bộ đèn điện;<br>- Bán buôn thiết bị, dụng cụ điện dùng trong sinh hoạt gia đình như: quạt điện, nồi cơm điện, ấm đun nước dùng điện, lò vi sóng, tủ lạnh, điều hòa nhiệt độ, bàn là, máy sấy tóc...                                                                                                                                                                    | 4649        |
| 15. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4651        |
| 16. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4652        |
| 17. | Xuất bản phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 5820        |
| 18. | Lắp đặt hệ thống điện<br>Chi tiết: Việc lắp đặt hệ thống điện ở tất cả các công trình nhà ở và dân dụng; Cụ thể:<br>+ Dây dẫn và thiết bị điện,<br>+ Đường dây thông tin liên lạc,<br>+ Mạng máy tính và dây cáp truyền hình, bao gồm cả cáp quang học,<br>+ Đĩa vệ tinh,<br>+ Hệ thống chiếu sáng,<br>+ Chuông báo cháy,<br>+ Hệ thống báo động chống trộm,<br>+ Tín hiệu điện và đèn trên đường phố,<br>+ Đèn trên đường băng sân bay. | 4321(Chính) |
| 19. | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 9511        |
| 20. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 3320        |
| 21. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4210        |
| 22. | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4220        |
| 23. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4290        |
| 24. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4330        |
| 25. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4390        |
| 26. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng<br>Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)                                                                                                                                                                            | 4659        |
| 27. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4662        |
| 28. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4663        |
| 29. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn hóa chất phụ gia trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4669        |
| 30. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 6201        |
| 31. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 6202        |
| 32. | Cổng thông tin                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 6312        |

|     |        |      |
|-----|--------|------|
| 33. | Phá dỡ | 4311 |
|-----|--------|------|

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ  
**Mệnh giá cổ phần:** 10.000 VNĐ/Cổ phần

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông     | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | TRẦN VĂN TRƯỜNG | Xóm Triệu Thông, Xã Hải Bắc, Huyện Hải Hậu, Tỉnh Nam Định, Việt Nam                  | Cổ phần phổ thông | 75.000     | 750.000.000           | 15,000    | 163048591                                                                                   |         |
|     |                 |                                                                                      | Tổng số           | 75.000     | 750.000.000           | 15,000    |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | TRẦN VĂN TƯỜNG  | Xóm Triệu Thông, Xã Hải Bắc, Huyện Hải Hậu, Tỉnh Nam Định, Việt Nam                  | Cổ phần phổ thông | 235.000    | 2.350.000.000         | 47,000    | B7979714                                                                                    |         |
|     |                 |                                                                                      | Tổng số           | 235.000    | 2.350.000.000         | 47,000    |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | ĐỖ TRỌNG HUÂN   | Tổ 18 Cụm 2, Phường Nhật Tân, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                | Cổ phần phổ thông | 190.000    | 1.900.000.000         | 38,000    | 012131847                                                                                   |         |
|     |                 |                                                                                      | Tổng số           | 190.000    | 1.900.000.000         | 38,000    |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

**9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:**

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

**10. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: VŨ VĂN DUY

Giới tính: Nam

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 05/07/1993

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 163217329

Ngày cấp: 31/03/2010

Nơi cấp: Công an tỉnh Nam Định

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Nhựt Nương, Xã Phương Định, Huyện Trực Ninh, Tỉnh Nam Định, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn Nhựt Nương, Xã Phương Định, Huyện Trực Ninh, Tỉnh Nam Định, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội